

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 CỦA NGƯỜI DÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC TRẠM Y TẾ XÃ THUỘC HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU NĂM 2022-2023

Nguyễn Quốc Khởi*, Phùng Ngọc Tâm²

1. Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

* Email: bsnguyenquockhoi@gmail.com

Ngày nhận bài: 30/7/2023

Ngày phản biện: 27/10/2023

Ngày duyệt đăng: 03/11/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống COVID-19 của người dân nói chung và năng lực của các trạm y tế xã hiện nay như thế nào? Yếu tố nào liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành của người dân. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1). Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đúng về công tác phòng chống dịch bệnh của người dân. 2). Đánh giá năng lực cán bộ y tế xã phòng chống dịch bệnh của các trạm y tế xã - huyện Trần Văn Thời, năm 2022-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 400 người dân thực hiện tại huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau từ tháng 5/2022 đến tháng 5/2023, số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn dựa vào bộ câu hỏi soạn sẵn và quan sát. **Kết quả:** Kết quả mối liên quan giữa kiến thức và thái độ đến thực hành nghiên cứu về phòng, chống dịch COVID-19 ở mức yếu (52,6% và 79,7%), mức độ trung bình đạt (92,5% và 80,3%, số người đạt mức độ kiến thức và thái độ đến thực hành tốt đạt (92,4% và 97,5%), Với giá trị $p < 0,001$ điều này có ý nghĩa đến thống kê. **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ người dân có kiến thức chung tốt (65,75%) thái độ chung tốt là (39,75%) và thực hành đúng (86,75%), Thực hành sai (13,25%). Chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe cần tiếp tục thực hiện thông qua tivi và mạng xã hội trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo Hàng ngày thường xuyên sát khuẩn tay/rửa tay bằng xà phòng đạt tỉ lệ (100%).

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành.

ABSTRACT

STUDY ON KNOWLEDGE, ATTITUDE, PRACTICE OF COVID-19 PREVENTION OF PEOPLE AND CAPACITY OF COMMUNE HEALTH STATIONS IN TRAN VAN THOI DISTRICT, CA MAU PROVINCE IN 2022-2023

Nguyen Quoc Khoi^{1*}, Phung Ngoc Tam²

1. General Hospital Tran Van Thoi

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: How to research the knowledge, attitudes, and practices of COVID-19 prevention and control of the general population and the current capacity of commune health stations? What factors are related to people's knowledge, attitudes, and practices? **Objectives:** 1). Rate of knowledge, attitude, and correct practice of disease prevention among people. 2). To assess the capacity of commune health workers to prevent epidemics at commune health stations - Tran Van Thoi district, 2022-2023. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 400 people in Tran Van Thoi district, Ca Mau province from May 2022 to May 2023, data were collected by interviewing based on prepared set of questions and observations. **Results:** The relationship between knowledge and attitude to research practice on COVID-19 epidemic prevention

and control was weak (52.6% and 79.7%), the average level was (92.6% and 79.7%). 5% and 80.3%, the number of people reaching the level of knowledge and attitude to good practice (92.4% and 97.5%), with p value < 0.001 , this is statistically significant. **Conclusion:** The study showed that the proportion of people with good general knowledge (65.75%), good general attitudes (39.75%) and correct practices (86.75%), incorrect practices (13, 25%). Health education communication programs need to continue to be implemented through television and social networks, emphasizing the importance of ensuring daily hand disinfection/hand washing with soap at a rate of 100% (100%).

Keywords: Knowledge, attitude, practice.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 được dự báo vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán với sự xuất hiện của nhiều biến chủng mới [1]. Tuy nhiên, WHO ghi nhận hơn 80% người bệnh COVID-19 có triệu chứng nhẹ và có thể tự hồi phục mà không cần điều trị, ngoại trừ người bệnh trên 60 tuổi và có kèm bệnh nền như tim mạch, đái tháo đường, béo phì... có khả năng diễn tiến bệnh nặng và có nguy cơ tử vong cao [2]. Các nghiên cứu trước đây ghi nhận kiến thức và thái độ có mối liên quan với thực hành phòng ngừa lây truyền bệnh SARS, MERS. Do đó, việc cung cấp kiến thức, nâng cao nhận thức về bệnh là cần thiết để hạn chế sự lây lan mầm bệnh [3]. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) [2] đánh giá thế giới vẫn trong giai đoạn đại dịch và chiến lược tiêm vaccine phòng COVID-19 vẫn hết sức quan trọng. Để tiếp tục đảm bảo kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và thích ứng an toàn, linh hoạt, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 đã thống nhất các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới gồm 2K (Khẩu trang, Khử khuẩn), Vaccine Thuốc, Điều trị, Công nghệ, Ý thức người dân và các biện pháp phù hợp khác [4], [5], cùng với 3, trụ cột (xét nghiệm, cách ly, điều trị) đồng thời chỉ đạo quán triệt thực hiện quan điểm tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, không để dịch bùng phát trở lại" dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, các hoạt động dự phòng để hạn chế sự lan truyền của vi rút, giảm thiểu tác động của dịch bệnh là rất cần thiết [3]. Đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có thuốc điều trị đặc hiệu cũng như vắc xin phòng ngừa COVID-19 đặc hiệu, các loại vắc xin vẫn đang được phát triển và trong giai đoạn thử nghiệm pha lâm sàng [1], [6].

Do đó, việc đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19 của người dân là cần thiết nhằm đóng góp bằng chứng cho truyền thông giáo dục sức khỏe để nâng cao hiệu quả chương trình can thiệp tại địa phương [7], [3]. Vậy câu hỏi đặt ra là kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống Covid-19 của người dân nói chung và năng lực của các trạm y tế xã hiện nay như thế nào? Yếu tố nào liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành của người dân? Để trả lời các câu hỏi này nghiên cứu: “Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống dịch COVID - 19 của người dân và năng lực của các trạm y tế xã thuộc huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau năm 2022-2023” được thực hiện với 02 mục tiêu: 1. Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đúng về công tác phòng chống dịch bệnh của người dân. 2. Đánh giá năng lực cán bộ y tế xã phòng chống dịch bệnh của các trạm y tế xã - huyện Trần Văn Thời, năm 2022-2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Số liệu thứ cấp và sơ cấp sổ sách quản lý Quyết định, kế hoạch, báo cáo... Người dân trưởng thành 18 trở lên. Cán bộ y tế đang công tác tại 13 trạm y tế xã, thị trấn của huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Đối tượng có mặt hiện đang cư trú tại khu vực nghiên cứu đồng ý tham gia nghiên cứu. Đối tượng có thể tự đọc và trả lời câu hỏi một cách chính xác.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu, hoặc không có mặt tại thời điểm nghiên cứu.

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 5/2022 đến tháng 5/2023

- **Địa điểm nghiên cứu:** Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính.

- **Phương pháp chọn mẫu:**

+ Điều tra kiến thức, thái độ và thực hành (KAP) của người dân trong cộng đồng
Cỡ mẫu:

$$n = Z^2 \frac{p \times (1 - p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95%: $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$

$p = 0,5$ (p là tỷ lệ người dân có tham gia phòng chống bệnh Covid-19 trong thời gian điều tra. Do chưa có số liệu tham khảo của nghiên cứu trước nên chọn $p = 0,5$) $q = 1 - p$; $d = 0,1 \rightarrow n = 384$ hộ. Làm tròn mẫu là 400 số người dân.

Cỡ mẫu định lượng: 400 tại 04 TYT xã/13 trạm y tế xã, thị trấn của huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau với cỡ mẫu nghiên cứu là 100 người dân/1 xã, thị trấn.

Chọn mẫu tại thực địa: chọn mẫu được tiến hành qua 3 bước:

Tại 04 xã trên, cách chọn mẫu được tiến hành như sau:

Bước 1. Lập danh sách tất cả người dân trong xã

Bước 2. Chọn số người dân/hộ gia đình

Bước 3. Chọn đối tượng điều tra

- Chọn mẫu định tính:

+ 04 cuộc phỏng vấn sâu lãnh đạo địa phương

+ 04 cuộc thảo luận nhóm người dân

- **Phương pháp thu thập số liệu:**

+ Số liệu được thu thập bằng bộ công cụ và bảng kiểm đã được thẩm định.

+ Thu số liệu định tính bằng phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm theo biểu mẫu đã thiết kế.

2.3. Các biến số nghiên cứu

- **Kiến thức, thái độ, thực hành của người dân**

Biến số về thông tin chung có 07 biến số.

Biến số Kiến thức có 06 biến số.

Biến số Thái độ có 03 biến số.

Biến số Thực hành có 05 biến số.

- **Năng lực hoạt động của các trạm y tế**

Vai trò của Trạm y tế phường, xã, thị trấn.

- Thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp xã/phường/thị trấn (xã)

- Xây dựng kế hoạch hoạt động tháng, quý, năm tuyến xã.

- Kế hoạch công tác truyền thông phòng chống dịch, truyền tải các thông điệp truyền

thông trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Có xây dựng hồ sơ quản lý ca bệnh ở cơ sở.
- Kế hoạch giám sát dịch tễ
- Sổ theo dõi người tiếp xúc (truy vết)
- Xét nghiệm: bệnh phẩm đảm bảo thu thập, đóng gói, vận chuyển mẫu an toàn.
- Đảm bảo năng lực xử lý ban đầu người phơi nhiễm tại địa phương.
- Đảm bảo cung ứng vaccin và lập sổ quản lý, theo dõi tiêm phòng vaccine tiêm phủ

khắp địa phương mũi 1,2,3,4 cho toàn dân.

- Hướng dẫn vệ sinh môi trường xử lý chất thải y tế và tử thi người chết do mắc bệnh dịch covid 19.

- Dự trù kinh phí và đề nghị kinh phí hậu cần bổ sung.
- Đảm bảo nguồn nhân lực hoạt động theo quy định của bộ y tế

2.4. Tiêu chuẩn đánh giá về phòng chống dịch bệnh Covid-19

- Một số kiến thức về phòng chống dịch bệnh Covid-19: Rửa tay với nước và xà phòng; Sử dụng chất khử trùng tay; Đeo khẩu trang; Ho/ hắt hơi vào khuỷu tay; Giữ khoảng cách ít nhất từ 2 mét trở lên với người khác

- Tàn suất thực hiện các hoạt động giúp tránh lây nhiễm bệnh Covid-19: Rửa tay với nước và xà phòng; Sử dụng chất khử trùng tay; Đeo khẩu trang;

- Đánh kiến thức, thái độ của CBYT: Sử dụng bảng hỏi đánh giá kiến thức, thái độ của CBYT về phòng chống COVID-19.

2.5. Hạn chế của nghiên cứu, sai số và biện pháp khắc phục sai số

Điều tra viên phụ trách công tác thu thập số liệu được tập huấn kỹ càng công tác thu thập số liệu để có thể truyền đạt những thông tin chính xác nhất tới đối tượng nghiên cứu.

2.6. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được quản lý, làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0.

Thống kê mô tả: Số lượng và tỉ lệ (%)

Thống kê phân tích: sử dụng Chi-square test để xác định mối liên quan. Mối liên quan được xác định khi $p < 0,05$.

2.7. Đạo đức của nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành sau khi được sự đồng ý của Hội đồng đạo đức - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm dân số - xã hội của đối tượng nghiên cứu (n=400)

	Đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nhóm tuổi	Tuổi <60	321	80,25
	Tuổi ≥60	79	19,75
	Tuổi trung bình (min-max)	47,12 ± 13,14	18 – 91
Giới tính	Nam	211	52,75
	Nữ	189	47,25
Trình độ học vấn	Tiểu học	61	15,25
	Trung học cơ sở	197	49,25

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
	≥ Trung học phổ thông	142	35,50
Nghề nghiệp	Nội trợ	68	17,0
	Làm nông	272	68,0
	Nhân viên văn phòng	48	12,0
	Công nhân	4	1,0
	Nghĩ hưu	8	2,0

Nhận xét: Nghiên cứu ghi nhận đa số đối tượng nghiên cứu dưới 60 tuổi (80,25%) trong đó giới nam (52,75%), trình độ học vấn trung học phổ thông (49,25%), làm nông (68,0%), sống tại nhà cùng người thân (96,75%), đối tượng khoẻ mạnh chiếm đa số (90,25%). Hầu hết đối tượng nghiên cứu đi lại bằng phương tiện xe 2 bánh (94%), trong đó nguồn thông tin từ điện thoại Smart phone (67,5%) và nguồn thông tin từ tivi chiếm tỉ lệ (25,5%).

3.2. Kiến thức, thái độ và thực hành nghiên cứu về phòng, chống dịch Covid-19

Bảng 2. Liên quan giữa Kiến thức và Thái độ đến Thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng, chống dịch Covid-19 (n=400)

Đặc điểm		Thực hành đúng (n=347)		Thực hành sai (n=53)		OR (KTC 95%)	Giá trị P
		N	%	N	%		
Kiến thức chung	Yếu	30	52,6	27	47,4	1	
	Trung bình	74	92,5	6	7,5	10,93 (5,47-21,83)	<0,001
	Tốt	243	92,4	20	7,6	11,11 (4,16-29,61)	<0,001
Thái độ chung	Yếu	137	79,7	35	20,3	1	
	Trung bình	57	80,3	14	19,7	9,77 (3,38-28,20)	<0,001
	Tốt	153	97,5	4	2,5	9,39 (2,96-29,73)	<0,001

Nhận xét: Liên quan giữa Kiến thức và Thái độ đến Thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng, chống dịch Covid-19 số người đạt mức độ kiến thức và thái độ đến thực hành trung bình đạt (92,5% và 80,3%, số người đạt mức độ kiến thức tốt (92,4% với KTC: 95% với OR: 11,11) với p<0,001 và thái độ đến thực hành tốt đạt (97,5% với KTC 95% OR: 9,39), Với P < 0,001 điều này có ý nghĩa đến thống kê.

3.3. Năng lực phòng chống dịch COVID -19 của các trạm y tế xã

Bảng 3. Quản lý điều hành hoạt động của 13 Trạm y tế xã (n=13)

STT	Quản lý điều hành hoạt động trạm y tế phòng chống dịch COVID -19	Có		Không		
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
		n	%	n	%	
1	Quyết định thành lập BCD CSSKBĐ tại địa phương có quy chế phân công trách nhiệm hoạt động	11	84,6	2	15,4	
2	Kế hoạch triển khai huy động các tổ chức chính trị, các ban ngành đoàn thể tham gia	13	100,0	0	0,0	
3	Kế hoạch, triển khai hoạt động, kiểm tra, giám sát phòng chống dịch năm 2022-2023	Tháng	5	38,5	8	61,5
		Quý	7	53,8	6	46,2
		06 tháng	9	69,2	0	0,0
		01 năm	13	100,0	0	0,0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 66/2023

STT	Quản lý điều hành hoạt động trạm y tế phòng chống dịch COVID -19	Có		Không		
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
		n	%	n	%	
		Đột xuất	2	15,4	11	84,6
4	Báo cáo hoạt động trạm y tế xã năm 2022-2023	Tháng	3	23,1	10	76,9
		Quý	7	53,8	6	46,2
		06 tháng	9	69,2	0	0,0
		01 năm	13	100,0	0	0,0
		Đột xuất	1	7,7	12	92,3

Nhận xét: Qua kết quả Quản lý điều hành hoạt động trạm y tế phòng chống dịch COVID -19 như: Quyết định thành lập BCĐ CSSKBD tại địa phương có quy chế phân công trách nhiệm hoạt động đạt tỉ lệ (84,6%), Công tác lãnh đạo quản lý điều hành: Công tác phòng, chống dịch có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

IV. BÀN LUẬN

Đặc điểm dân số - xã hội của đối tượng nghiên cứu đa số đối tượng nghiên cứu dưới 60 tuổi đạt tỉ lệ (80,25%) trong đó giới nam (52,75%), trình độ học vấn trung học phổ thông (49,25%). Theo nghiên cứu của tác giả Zhi-Hao Li (2020) [6], giới nam (70,6%), tuổi < 60 (97,5%), trình độ từ trung học trở lên (70,3%). Nghiên cứu tác giả Manal Bilal Mohamed (2023) [6], Độ tuổi trung bình của những người tham gia là 27,6 (SD 5,3) và phần lớn những người tham gia là nam giới (67,5%). Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng điểm kiến thức trung bình của đối tượng nghiên cứu về bệnh cúm Covid-19 chỉ đạt $13,15 \pm 2,37$ so với điểm kiến thức mong đợi. Theo kết quả có sự khác biệt với tác giả Huỳnh Giao và cộng sự ghi nhận đa số đối tượng nghiên cứu có kiến thức đúng về COVID-19 với tỷ lệ từ 40,2% đến 90,3% và kiến thức chung đúng chiếm 79,2% trong đó kiến thức thấp nhất về thời gian cách ly tối thiểu 2 tuần đối với người mắc COVID-19 chiếm 49,3%. So với nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Thủy Ngân và cộng sự (2022) [3], kết quả nghiên cứu của chúng tôi có tương đồng với kết quả kiến thức, thái độ và thực hành trong phòng chống COVID-19 của người dân thành phố Cần Thơ đạt ở mức độ cao với tỉ lệ người dân được đánh giá mức độ kiến thức đúng đạt 83,4%, thái độ tích cực đạt 77,1% và thực hành đúng đạt 72,6%. Quản lý điều hành của 13 Trạm y tế xã kết quả nghiên cứu cho thấy quản lý điều hành hoạt động trạm y tế phòng chống dịch COVID -19 như quyết định thành lập BCĐ CSSKBD tại địa phương có quy chế phân công trách nhiệm hoạt động đạt tỉ lệ (84,6%), có kế hoạch, triển khai hoạt động, kiểm tra, giám sát phòng chống dịch năm 2022-2023 06 tháng, 01 năm đạt tỉ lệ (100%), có báo cáo hoạt động trạm y tế xã năm 2022-2023 , 06 tháng, 01 năm đạt tỉ lệ (100%). Hoạt động phòng chống dịch COVID -19 của 13 trạm y tế kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực cán bộ trạm y tế hoạt động phòng chống dịch COVID -19 của 13 trạm y tế như truyền thông loa phát thanh đạt tỉ lệ (61,5%), băng gôn (46,2%), giám sát dịch tễ (truy vết) người dân có tiếp xúc với người bị bệnh đạt (30,8%), người dân từ nước ngoài đến đạt (15,4%), Tiêm vaccin phòng ngừa covid-19 mũi 1, mũi 2 đạt tỉ lệ (100%), mũi 3 đạt (61,5%), mũi 4 đạt (38,5%), Hàng ngày thường xuyên đeo khẩu trang, Hàng ngày thường xuyên sát khuẩn tay/rửa tay bằng xà phòng đạt tỉ lệ (100%), Thường xuyên giữ khoảng cách với người khác (trên 2m) đạt (61,5%), Đã thực hiện khai báo y tế điện tử cho bản thân đạt tỉ lệ (69,2 %), Khi có công dân từ vùng dịch về, hướng dẫn khai báo y tế theo quy định đạt tỉ lệ (84,6%), Hướng dẫn

biện pháp phòng dịch, Tham gia hoạt động tiêm vaccine COVID-19 cho người dân, Thường xuyên tư vấn về phòng chống COVID-19 cho người dân đạt tỉ lệ (100%).

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ người dân có kiến thức chung tốt, trung bình, yếu (65,75%; 20,0% và 14,25%), thái độ chung tốt, trung bình, yếu lần lượt là (39,75%; 17,75% và 43,0%), và thực hành chung ở mức độ thực hành đúng (86,75%), Thực hành sai (13,25%) Hàng ngày thường xuyên sát khuẩn tay/rửa tay bằng xà phòng đạt tỉ lệ (100%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết Trung tâm y tế huyện Trần Văn Thời cuối năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023
 2. Bộ Y tế. *Quyết định số 343/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh do nCoV*, Bộ Y tế. 2020.
 3. Huỳnh Giao và cộng sự. Kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa covid-19 của người bệnh tại bệnh viện quận 2, tp. Hồ Chí Minh. *Y Học TP. Hồ Chí Minh*, 2022. *Tập 25, Số 2, 202. 101-109.*
 4. Zhi-Hao Li, et al. Knowledge, attitudes, and practices related to Coronavirus disease 2019 during the outbreak among workers in China: *A large cross-sectional study*. 2020. 14(9) doi: [10.1371/journal.pntd.0008584](https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008584).
 5. Đỗ Thị Thủy Ngân và cộng sự. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống covid-19 của học sinh trung học phổ thông tại quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ năm 2021. *Tạp Chí Y Dược học Cần Thơ*, 2022. (53), 153-160. <https://doi.org/10.58490/ctump.2022i53.166>.
 6. MB Mohamed et al. Nurses' Knowledge, Attitude, and Practice Regarding Personal Protective Equipment for the Prevention of COVID-19 in Public Hospitals *Open Journal of Nursing* , 2023. 13 , 181-195. doi: 10.4236/ojn.2023.133011 .
 7. Luo, Yi-Fang, et al. Knowledge, Attitudes and Practices (KAP) for the COVID-19 Pandemic in Community in Taiwan: *A Cross-sectional Study*. 2022. 19(5), 2784. doi: 10.3390/ijerph19052784.
 8. WHO (2020). Coronavirus disease 2019 (COVID-19) 2020. URL: <https://www.who.int/emergencies/diseases/novel-coronavirus-2019>, truy cập ngày 16/11/2020.
-